

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1520**/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày **12** tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt trữ lượng khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường
trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, mỏ cát thôn 2-5, xã Hưng
Bình, huyện Đắk R’lấp, tỉnh Đắk Nông”
(Trữ lượng tính đến tháng 7 năm 2023)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt
động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BTNMT ngày 13 tháng 01 năm 2016 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về công tác thăm dò cát, sỏi
lòng sông và đất, đá làm vật liệu san lấp;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa
mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản
trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng
sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 8 tháng 11 năm 2017 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc bổ sung một số điều của Thông tư số
45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi
trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu
báo cáo hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động
khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, trình tự, thủ tục đóng cửa
mỏ khoáng sản;

Căn cứ Công văn số 7372/BTNMT-KSVN ngày 22 tháng 10 năm 2024 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc có ý kiến về phê duyệt trữ lượng mỏ cát
làm vật liệu xây dựng thông thường nằm trong tọa độ khép góc được quy hoạch

khoáng sản bauxit;

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số 10/GP-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc cho phép Công ty TNHH SX-TM-DV Trường Hồng Đắk Nông được thăm dò cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ cát thôn 2-5, xã Hưng Bình, huyện Đắk R'lấp;

Căn cứ Quyết định số 842/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc thành lập Hội đồng thẩm định trữ lượng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, mỏ cát thôn 2-5, xã Hưng Bình, huyện Đắk R'lấp;

Xét đề nghị của Công ty TNHH SX-TM-DV Trường Hồng Đắk Nông tại Đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản ngày 18 tháng 7 năm 2023;

Căn cứ Biên bản kiểm tra thực địa và họp Hội đồng thẩm định trữ lượng khoáng sản mỏ cát thôn 2-5, xã Hưng Bình, huyện Đắk R'lấp ngày 14 tháng 9 năm 2023;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 08/TTr-STNMT ngày 10 tháng 01 năm 2024; Công văn số 3038/STNMT-KSTNN ngày 11 tháng 11 năm 2024; Công văn số 3331/STNMT-KSTNN ngày 09 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường trong Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, mỏ cát thôn 2-5, xã Hưng Bình, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông của Công ty TNHH SX-TM-DV Trường Hồng Đắk Nông, với các nội dung chính như sau:

1. Diện tích khu vực thăm dò, diện tích khu vực phê duyệt trữ lượng:

- Diện tích khu vực thăm dò là 6,5 ha (*Bằng chữ: Sáu phẩy năm héc ta*).

- Diện tích khu vực phê duyệt trữ lượng là 4,53 ha (*Bằng chữ: Bốn phẩy năm mươi ba héc ta*).

Tọa độ diện tích khu vực thăm dò và diện tích khu vực phê duyệt trữ lượng khoáng sản xác định tại Phụ lục số 01 và Bình đồ phân khối tính trữ lượng kèm theo Quyết định này.

2. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường đã tính trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản mỏ cát thôn 2-5, xã Hưng Bình, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông:

Trữ lượng khoáng sản cát cấp 122: 341.883 m³.

3. Trữ lượng khoáng sản đi kèm:

Trữ lượng sỏi cấp 122: 18.097 m³.

4. Mức sâu các khối trữ lượng phê duyệt như Phụ lục số 2 kèm theo Quyết định này.

Trữ lượng và tài nguyên khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường và khoáng sản đi kèm (sỏi) của từng khối, cấp được thống kê chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo của Quyết định này.

Điều 2.

1. Các tài liệu của Báo cáo được sử dụng để nghiên cứu thiết kế khai thác, dự án đầu tư và giao nộp lưu trữ địa chất, các mẫu vật giao cho Công ty TNHH SX-TM-DV Trường Hồng Đắc Nông theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Quyết định chủ trương đầu tư dự án chỉ được xem xét chấp thuận sau khi cơ quan có thẩm quyền có ý kiến chấp thuận hoặc tháo gỡ đối với vấn đề chồng lấn về quy hoạch khoáng sản bô xít.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Xây dựng; các Thành viên Hội đồng thẩm định trữ lượng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ cát thôn 2-5, xã Hưng Bình, huyện Đắc R'láp; Chủ tịch UBND huyện Đắc R'láp; Chủ tịch UBND xã Hưng Bình; Giám đốc Công ty TNHH SX-TM-DV Trường Hồng Đắc Nông và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu VT, KT, NNTNMT.

3

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Trọng Yên

PHỤ LỤC SỐ 01:
TỌA ĐỘ, KHU THĂM DÒ, PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN
CÁT LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TẠI THÔN 2-5,
XÃ HƯNG BÌNH, HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG
(Kèm theo Quyết định số **1520/QĐ-UBND** ngày **12** tháng 12 năm 2024
của UBND tỉnh Đắk Nông)

1. Tọa độ diện tích khu vực thăm dò:

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2.000, kinh tuyến trực 108,5 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰	
	X (m)	Y (m)
1	1310545	386298
2	1310659	386407
3	1310754	386484
4	1310894	386476
5	1310897	386507
6	1310833	386550
7	1310831	386660
8	1310803	386665
9	1310755	386555
10	1310644	386549
11	1310542	386587
12	1310502	386654
13	1310465	386638
14	1310505	386517
15	1310454	386359
Diện tích: 6,5 ha		

2. Tọa độ, diện tích phê duyệt trữ lượng khoáng sản:

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2.000, kinh tuyến trực 108,5 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰	
	X (m)	Y (m)
3	1.310.754	386.484
4	1.310.894	386.476
5	1.310.897	386.507
6	1.310.833	386.550
7	1.310.831	386.660
8	1.310.803	386.665
9	1.310.755	386.555
10	1.310.644	386.549
16	1.310.614	386.560

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2.000, kinh tuyến trực 108,5 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰	
	X (m)	Y (m)
17	1.310.593	386.536
18	1.310.551	386.535
19	1.310.517	386.489
20	1.310.526	386.448
21	1.310.502	386.395
22	1.310.548	386.364
23	1.310.588	386.406
24	1.310.668	386.415
Diện tích: 4,53 ha		

/



PHỤ LỤC SỐ 02:
THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN TẠI MỎ CÁT THÔN 2-5,
XÃ HƯNG BÌNH, HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG
(Kèm theo Quyết định số **1520** /QĐ-UBND ngày **12** tháng 12 năm 2024
của UBND tỉnh Đắk Nông)

STT	Khối trữ lượng	Mức sâu thấp nhất khối trữ lượng (m)	Trữ lượng khoáng sản chính - cát (m ³)	Trữ lượng khoáng sản đi kèm - sỏi (m ³)	Ghi chú
1	1-122	+ 506,3	142.360	6.801	
2	2-122	+ 506,3	118.140	6.853	
3	3-122	+ 506,3	81.375	4.443	
Tổng			341.883	18.097	

/

